

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày 09 tháng 11 năm 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Hòa
bà Bùi Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2018/TLST-DS ngày 08/6/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-DS ngày 27/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A

Địa chỉ: 02 Phố H - phường T - quận B - Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ L - sinh năm 1968 - Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh huyện DK - Phòng giao dịch D làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 496/NHNo-DK ngày 07/9/2018).

Địa chỉ: thôn P - xã D - huyện DK - Khánh Hòa; Có mặt.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Minh C - sinh năm 1976.

Trú tại: thôn 2 - xã Đ - huyện DK - Khánh Hòa; Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Văn H - 1976

Trú tại: thôn 2 - xã Đ - huyện DK - Khánh Hòa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2018, bản tự khai ngày 19/6/2018, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: ngày 18/01/2013, bà Nguyễn Thị Minh C với Ngân hàng A (*Sau đây gọi tắt: Ngân hàng*) có giao kết với nhau hợp đồng tín dụng số 4703-LAV-201300213. Theo đó, bà C vay của Ngân hàng 50.000.000đ, mục đích vay: sửa nhà, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày

18/01/2018, lãi suất 15%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất trong hạn. Khi ký hợp đồng vay thì ông Nguyễn Văn H có ký vào giấy đề nghị kiểm phương án vay vốn nhu cầu đời sống. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, đến 28/9/2015 thì bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn số tiền gốc 24.177.000đ từ ngày 29/9/2015. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn cho bà C nhưng bà C vẫn không trả nợ, sau đó bà C đã bỏ đi khỏi địa phương và Ngân hàng đã áp dụng biện pháp tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà C và ông H thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 27/9/2018 là 35.814.470đ (Trong đó, nợ gốc: 24.177.000đ, lãi trong hạn: 8.135.561đ, lãi quá hạn: 2.411.453đ, phí phạt chậm trả lãi: 1.150.013đ).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh C và ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà C, ông H thanh toán toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 09/11/2018 là 35.202.811đ. Trong đó, nợ gốc 24.177.000đ, lãi trong hạn: 8.453.219đ, lãi quá hạn: 2.572.592đ và các khoản lãi, phí phát sinh tính từ ngày 10/11/2018 cho đến khi trả hết nợ, không yêu cầu phí chậm trả lãi. Bị đơn bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Bà C ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A ngày 18/01/2013, đến ngày 28/9/2015 bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng A khởi kiện bà C về việc trả nợ vay, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà C, ông H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà C, ông H vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C, ông H.

[2] Về nội dung: Qua đơn khởi kiện, bản tự khai của Ngân hàng và hợp đồng tín dụng số 4703-LAV-201300213 ngày 18/01/2013 đều thể hiện bà C có vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000đ với mục đích sửa nhà. Đến ngày 28/9/2015 thì bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng cho rằng cả bà C và ông H đều phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy: đây là hợp đồng cho vay tín chấp, không phải cho hộ gia đình vay, hợp đồng vay chỉ có một mình bà C ký tên vay, mặc dù mục đích vay được nêu trong hợp đồng là sửa nhà nhưng không có gì chứng minh cho việc bà C đã sử dụng số tiền vay để sửa nhà. Mặc khác, ông H chỉ ký trong “*Giấy đề nghị kiểm phương án vay vốn nhu cầu đời*

sống” với tư cách là thành viên trong hộ gia đình, là chồng của bà C, không phải là người đồng đứng ký tên vay với bà C. Do đó, không có cơ sở để buộc ông H phải cùng trả nợ với bà C. Vì vậy, bà C phải là người có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng.

[3] Tại phiên tòa, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu phí chậm trả lãi. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của Ngân hàng.

[4] Ngoài khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn mà bà C phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà C còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền này tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ. Điều này đã được quy định rõ tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, tại phần quy định chung cũng cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 94 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Tuyên xử: Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về yêu cầu phí chậm trả lãi của Ngân hàng A đối với bà Nguyễn Thị Minh C và ông Nguyễn Văn H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc bà Nguyễn Thị Minh C phải trả cho Ngân hàng A số tiền nợ tạm tính đến ngày 09/11/2018 là 35.202.811đ (*Ba mươi lăm triệu, hai trăm lẻ hai nghìn, tám trăm mười một đồng*). Trong đó, nợ gốc là 24.177.000đ (*Hai mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*), nợ lãi trong hạn là 8.453.219đ (*Tám triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm mười chín đồng*), nợ lãi quá hạn là 2.572.592đ (*Hai triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng*) và các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 10/11/2018 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng số 4703-LAV-201300213 ngày 18/01/2013.

Quy định chung: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. **Về án phí:** bà Nguyễn Thị Minh C nộp 1.760.000đ (Một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A 859.000đ (Tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018811 ngày 08/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Mai Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.